UBND Phường Điện Biên Phủ

Đơn vị: Trường Tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ

Mã ĐVQHNS: 1029788

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG - PHỤ CẤP

Tháng 06 năm 2026

TT	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Lương hệ số												Thành tiền	BHXH trả thay lương		Các khoản khấu trừ				Thực trả CBCNV
			HS Lương	HS chênh lệch bảo lưu	Lương HĐ	PC CV	PC KV	PC TN VK		PCTN nghề		PC ưu đãi nghề 50%	PC độc hại	PC trách nhiệm	Cộng HS		BHXH không chi trả 25%	BHXH chi trả 75%	BHXH 8%	BHYT 1,5%	1% BHTN	Cộng BH	
								Tỷ lệ % TN VK	PC TN VK	Tỷ lệ % PC TNN	PC TNN												
1	Lê Thị Nga	H.trưởng	5,02			0,5	0,5			24%	1,325	2,76			10,10	23.645.232			1.281.347	240.252	160.168	1.681.767	21.963.465
2	Nguyễn Thanh Bình	Giáo viên	5,7				0,5			33%	1,881	2,85			10,93	25.578.540			1.419.163	266.093	177.395	1.862.652	23.715.888
3	Cao Thị Dung	Giáo viên	4,98	0,16			0,5	6%	0,30	37%	1,953	2,64			10,53	24.643.373			1.383.774	259.458	172.972	1.816.204	22.827.169
4	Lê Thị Hồng	Giáo viên	5,7				0,5			34%	1,938	2,85			10,99	25.711.920			1.429.834	268.094	178.729	1.876.657	23.835.263
5	Lê Thị Thanh Huế	Giáo viên	5,7				0,5			29%	1,653	2,85			10,70	25.045.020			1.376.482	258.090	172.060	1.806.632	23.238.388
6	Tòng Thị Sôm	Giáo viên	4,98				0,5	6%	0,30	30%	1,584	2,64			10,00	23.404.306			1.284.649	240.872	160.581	1.686.102	21.718.204
7	Hoàng Tiểu Oanh	Giáo viên	4,98				0,5	8%	0,40	30%	1,614	2,69			10,18	23.823.821			1.308.887	245.416	163.611	1.717.915	22.105.906
8	Nguyễn T Thanh Huyền	Tổ phó	4,98			0,15	0,5	5%	0,25	28%	1,506	2,69			10,07	23.574.611			1.288.894	241.668	161.112	1.691.674	21.882.937
9	Trần Thị Ngọc Hồi	Tổ trưởng	4,98			0,2	0,5	5%	0,25	28%	1,520	2,71			10,16	23.782.871			1.300.875	243.914	162.609	1.707.399	22.075.472
10	Nguyễn Thị Bình	Giáo viên	4,98				0,5			28%	1,394	2,49			9,36	21.912.696			1.193.288	223.741	149.161	1.566.190	20.346.506
11	Nguyễn Hoài Giang	Giáo viên	4,98				0,5			27%	1,345	2,49			9,31	21.796.164			1.183.965	221.993	147.996	1.553.954	20.242.210
12	Phạm T Như Thuỳ	Giáo viên	5,02				0,5			25%	1,255	2,51			9,29	21.726.900			1.174.680	220.253	146.835	1.541.768	20.185.133
13	Phạm T Thu Hương	Tổ phó	5,02			0,15	0,5			24%	1,241	2,59			9,50	22.220.172			1.200.102	225.019	150.013	1.575.134	20.645.038
14	Lê Lệ Hằng	Giáo viên	4,68				0,5			26%	1,217	2,34			8,74	20.444.112			1.103.881	206.978	137.985	1.448.844	18.995.268
15	Phạm Thị Tâm	Tổ phó	4,68			0,15	0,5			22%	1,063	2,42			8,81	20.609.784			1.103.095	206.830	137.887	1.447.812	19.161.972
16	Lê Thị Thu Hà	Giáo viên	4,68				0,5			22%	1,030	2,34			8,55	20.006.064			1.068.837	200.407	133.605	1.402.849	18.603.215
17	Đoàn Thị Chi	Giáo viên	4,68				0,5			24%	1,123	2,34			8,64	20.225.088			1.086.359	203.692	135.795	1.425.846	18.799.242
18	Lưu Thị Tuyết	Giáo viên	4,68			0,15	0,5			24%	1,159	2,42			8,90	20.835.828			1.121.178	210.221	140.147	1.471.546	19.364.282
19	Nguyễn Thị Vân	Giáo viên	4,68				0,5			22%	1,030	2,34			8,55	20.006.064			1.068.837	200.407	133.605	1.402.849	18.603.215
20	Nguyễn Thị Ca	Giáo viên	4,68				0,5			20%	0,936	2,34			8,46	19.787.040			1.051.315	197.122	131.414	1.379.851	18.407.189
21	Nguyễn T Kim Anh	Hiệu phó	4,68			0,4	0,5			22%	1,118	2,54			9,24	21.615.984			1.160.191	217.536	145.024	1.522.750	20.093.234
22	Phan Thị Thu Hằng	Tổ trưởng	4,68			0,2	0,5			22%	1,074	2,44			8,89	20.811.024			1.114.514	208.971	139.314	1.462.800	19.348.224
23	Nguyễn Quỳnh Giang	Giáo viên	4,00				0,5			19%	0,760	2,00			7,26	16.988.400			891.072	167.076	111.384	1.169.532	15.818.868
24	Trần Thị Định	Giáo viên	4,32				0,5			22%	0,950	2,16			7,93	18.557.136			986.619	184.991	123.327	1.294.937	17.262.199
25	Vũ Hương Giang	Tổ phó	4,34				0,5			20%	0,868	2,17			7,88	18.434.520			974.938	182.801	121.867	1.279.606	17.154.914
26	Nguyễn T Bình Minh	Tổ phó	4,00				0,5			21%	0,840	2,00			7,34	17.175.600			906.048	169.884	113.256	1.189.188	15.986.412
27	Lê Thị Xuân	Giáo viên	4,00				0,5			15%	0,600	2,00			7,10	16.614.000			861.120	161.460	107.640	1.130.220	15.483.780
28	Nguyễn T Minh Huệ	Tổ trưởng	4,34			0,20	0,5			15%	0,681	2,27			7,99	18.698.940			977.371	183.257	122.171	1.282.800	17.416.140
29	Phạm T Ngọc Quỳnh	Giáo viên	4,34				0,5			17%	0,738	2,17			7,75	18.129.852			950.564	178.231	118.821	1.247.615	16.882.237

30	Lương Hồng Yến	Giáo viên	4,34				0,5			22%	0,955	2,17			7,96	18.637.632			991.187	185.847	123.898	1.300.932	17.336.700
31	Vũ Thị Tuyết	Giáo viên	4,68				0,5			22%	1,030	2,34			8,55	20.006.064			1.068.837	200.407	133.605	1.402.849	18.603.215
32	Trần Thị Hạnh	Tổ trưởng	4,34			0,2	0,5			21%	0,953	2,27			8,26	19.336.356			1.028.364	192.818	128.546	1.349.728	17.986.628
33	Đặng Thị Lụa	Giáo viên	4,34				0,5			21%	0,911	2,17			7,92	18.536.076			983.062	184.324	122.883	1.290.269	17.245.807
34	Nguyễn Trung Dũng	Giáo viên	4,34				0,5			21%	0,911	2,17			7,92	18.536.076			983.062	184.324	122.883	1.290.269	17.245.807
35	Nguyễn Thị Lành	Giáo viên	3,66				0,5			15%	0,549	1,83			6,54	15.301.260			787.925	147.736	98.491	1.034.151	14.267.109
36	Nguyễn T Mỹ Hương	Hiệu phó	5,36			0,4	0,5			26%	1,498	2,88			10,64	24.891.984			1.358.623	254.742	169.828	1.783.192	23.108.792
37	Trương Minh Ngọc	Giáo viên	3,33				0,5			10%	0,333	1,67			5,83	13.637.520			685.714	128.571	85.714	899.999	12.737.521
38	Tạ Thị Lan	Giáo viên	3,33				0,5			10%	0,333	1,67			5,83	13.637.520			685.714	128.571	85.714	899.999	12.737.521
39	Lò Văn Thanh	Giáo viên	4,00				0,5			15%	0,600	2,00			7,10	16.614.000			861.120	161.460	107.640	1.130.220	15.483.780
40	Phạm Tuấn Tài	Giáo viên	3,99				0,5			15%	0,599	2,00			7,08	16.575.390			858.967	161.056	107.371	1.127.394	15.447.996
41	Hoàng T Hồng Hạnh	Giáo viên	3,99				0,5			15%	0,599	2,00			7,08	16.575.390			858.967	161.056	107.371	1.127.394	15.447.996
42	Vi Thị Thảo	Giáo viên	3,99				0,5			15%	0,599	2,00			7,08	16.575.390			858.967	161.056	107.371	1.127.394	15.447.996
43	Đặng Thu Hằng	Tổ trưởng	3,66			0,20	0,5			14%	0,540	1,93			6,83	15.983.136			823.755	154.454	102.969	1.081.178	14.901.958
44	Nguyễn Thị Huyền	Giáo viên	3,33				0,5			13%	0,433	1,67		0,3	6,23	14.573.286			704.415	132.078	88.052	924.545	13.648.741
45	Bùi Thị Hằng	Giáo viên	3,66				0,5			16%	0,586	1,83			6,58	15.386.904			794.776	149.021	99.347	1.043.144	14.343.760
46	Vũ Thị Tươi	Giáo viên	4,68			0,15	0,5			22%	1,063	2,42			8,81	20.609.784			1.103.095	206.830	137.887	1.447.812	19.161.972
47	Nguyễn Thanh Liêm	Giáo viên	4,68				0,5			22%	1,030	2,34			8,55	20.006.064			1.068.837	200.407	133.605	1.402.849	18.603.215
48	Phạm T Phương Dung	Tổ trưởng	3,66			0,2	0,5							0,1	4,46	10.436.400			722.592	135.486	90.324	948.402	9.487.998
49	Nguyễn Trọng Quyết	Kế toán	3,66				0,5							0,1	4,26	9.968.400			685.152	128.466	85.644	899.262	9.069.138
50	Lê Thị Tuyên	NV thư viện	3,33				0,5						0,2		4,03	9.430.200			623.376	116.883	77.922	818.181	8.612.019
51	Đỗ Thị Huế	Y tế	3,06				0,5								3,56	8.330.400			572.832	107.406	71.604	751.842	7.578.558
	Cộng lương biên chế		**225,89**	**0,16**		**3,25**	**25,5**		**1,49**		**48,9**	**108,4**	**0,2**	**0,5**	**414,3**	**969.390.293**	**-**	**-**	**52.361.217**	**9.817.728**	**6.545.152**	**68.724.097**	**900.666.196**
52	Nguyễn Thị Ngọc	Phục vụ			4.140.000											4.140.000			331.200	62.100	41.400	434.700	3.705.300
53	Đoàn Văn Hải	Bảo vệ			4.140.000											4.140.000			331.200	62.100	41.400	434.700	3.705.300
54	Lò Văn La	Bảo vệ			4.140.000											4.140.000			331.200	62.100	41.400	434.700	3.705.300
	Cộng lương hợp đồng				**12.420.000**											**12.420.000**	**-**	**-**	**993.600**	**186.300**	**124.200**	**1.304.100**	**11.115.900**
	Tổng Cộng		**225,89**	**0,16**	**12.420.000**	**3,25**	**25,5**		**1,49**		**48,91**	**108,36**	**0,2**	**0,5**	**414,3**	**981.810.293**	**-**	**-**	**53.354.817**	**10.004.028**	**6.669.352**	**70.028.197**	**911.782.096**

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Chín trăm mười một triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng chẵn.

Điện Biên Phủ, ngày ... tháng 06 năm 2026

KẾ TOÁN

Phạm Thị Phương Dung

HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC HÀ NỘI - ĐIỆN BIÊN PHỦ

Lê Thị Nga